

QUẢN LÝ THUẾ CÁC DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TẠI TỈNH ĐỒNG NAI

Nguyễn Thị Lý¹

TÓM TẮT

Đồng Nai là một trong những địa phương thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) lớn nhất cả nước, đứng thứ ba cả nước về thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp với 32 khu công nghiệp đã đi vào hoạt động thu hút khá nhiều vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Tính đến ngày 30/9/2017, có 52 dự án FDI với tổng vốn đầu tư là 334,15 triệu USD đầu tư vào các khu công nghiệp của tỉnh Đồng Nai. Các doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh có đóng góp đáng kể, nhất là trong lĩnh vực thu nộp thuế, nhưng vấn đề “thu đúng, thu đủ” và việc thực hiện đúng chính sách pháp luật thuế của các doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh vẫn là mối quan tâm của các cơ quan chức năng, đặc biệt là cơ quan thuế.

Từ khóa: Thuế, quản lý thuế, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), chính sách thuế

1. Quản lý thuế tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại các khu công nghiệp của tỉnh Đồng Nai

1.1. Vai trò của FDI với sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế

Tỉnh Đồng Nai thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và là một trong những tỉnh phát triển công nghiệp hàng đầu cả nước với 35 khu công nghiệp được Thủ tướng Chính phủ đưa vào danh mục quy hoạch khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2020, tổng diện tích trên 12.055 ha, trong đó 32 khu công nghiệp đã được thành lập, thu hút 70% diện tích đất cho thuê. Tại 32 khu công nghiệp này hiện có 42 quốc gia và vùng lãnh thổ hoạt động đầu tư với tổng số 1.510 dự án, trong đó có 1.100 dự án có

vốn đầu tư nước ngoài (FDI) với tổng vốn đầu tư xấp xỉ 21 tỷ USD.

Hội nhập kinh tế là xu hướng tất yếu, trong đó xu thế tự do hóa thương mại, tự do hóa các yếu tố sản xuất, đặc biệt là tự do hóa đầu tư là xu hướng của nền kinh tế thế giới. Đối với các nước đang phát triển thì mục tiêu *tạo vị thế cạnh tranh mới và thu hút vốn FDI* từ các nước phát triển rất quan trọng.

Theo luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (năm 2014, có hiệu lực 1/7/2015): “Đầu tư trực tiếp nước ngoài (Foreign Direct Investment - FDI) là việc các tổ chức và cá nhân nước ngoài đưa vào Việt Nam vốn bằng tiền hoặc bất kỳ tài sản nào để tiến hành các hoạt động đầu tư” [1]. Cũng theo quy định của luật đầu tư, hoạt động đầu tư có thể diễn ra dưới các hình thức đầu tư sau:

¹Trường Đại học Đồng Nai
Email: lynt2005@gmail.com

+ Hợp đồng hợp tác kinh doanh, hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT), hợp đồng xây dựng - chuyển giao - kinh doanh (BTO) và hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT).

+ Doanh nghiệp liên doanh.

+ Doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài.

Đối với các nước đang phát triển do thiếu vốn và công nghệ nên hầu hết đều là nước tiếp nhận đầu tư thì nguồn vốn FDI có vai trò quan trọng hơn, thể hiện ở những mặt sau:

- *FDI tạo nguồn vốn quan trọng để phát triển kinh tế:* việc mở cửa tiếp nhận FDI đã tạo nguồn vốn quan trọng cho các nước tiếp nhận đầu tư, giúp cho sự phát triển kinh tế, bởi vốn FDI không trực tiếp làm tăng nợ nước ngoài.

- *FDI tạo điều kiện cho các nước đang phát triển tiếp cận công nghệ sản xuất tiên tiến, kỹ thuật quản lý hiện đại.*

- *FDI tạo điều kiện cho các nước đang phát triển tiếp cận thị trường quốc tế,* do doanh nghiệp FDI thường thuộc về công ty đa quốc gia, có quan hệ rộng rãi về mua bán và trao đổi hàng hóa với các doanh nghiệp khác ở các nước.

- *FDI tạo điều kiện cho các nước đang phát triển khai thác tốt hơn tiềm năng, thế mạnh về tài nguyên, các ngành nghề có lợi thế so sánh, khuyến khích và nâng cao hiệu quả đầu tư trong nước.* Doanh nghiệp FDI với công nghệ sản xuất và kỹ thuật quản lý tiên tiến cho

phép khai thác hiệu quả hơn các loại tài nguyên, các ngành nghề có lợi thế so sánh. Mặt khác, tạo ra sự cạnh tranh cần thiết, thúc đẩy các doanh nghiệp trong nước đầu tư, đổi mới công nghệ, nâng cao hiệu quả sản xuất.

- *FDI góp phần giải quyết lao động tại các nước đang phát triển.* Khi đi vào hoạt động, doanh nghiệp FDI góp phần nâng cao tổng cầu về lao động, giải quyết được một lực lượng lao động khá lớn cho xã hội, đồng thời góp phần tạo ra một đội ngũ quản lý địa phương có nghiệp vụ và một lực lượng công nhân có tay nghề cao.

- *FDI tạo ra nguồn thu đáng kể cho ngân sách nhà nước.*

Bên cạnh những lợi ích trên, FDI cũng mang lại cho các nước đang phát triển một số tiêu cực nhất định. Do chạy theo mục tiêu lợi nhuận, nhà đầu tư nước ngoài chỉ đầu tư vào các ngành và vùng có nhiều thuận lợi, dễ tìm kiếm lợi nhuận, từ đó dẫn đến hệ quả: cơ cấu ngành và vùng của các nước đang phát triển thường xuyên mất cân đối. Ngoài ra, nếu không có sự kiểm tra, giám sát thường xuyên về công nghệ, các nước đang phát triển sẽ là nơi tiếp nhận máy móc thiết bị, công nghệ lạc hậu mà nước chủ đầu tư đang cần thay thế. Đặc biệt, nếu thiếu một cơ chế giám sát chặt chẽ quá trình tuân thủ các luật thuế, các doanh nghiệp FDI sẽ lợi dụng để chuyển lợi nhuận về nước chủ đầu tư thông qua các hoạt động trả phí tiền bản

quyền, trả phí lãi tiền vay từ công ty mẹ, trả phí dịch vụ tư vấn quản lý, tư vấn kỹ thuật và hoạt động chuyển giá... nhằm tối đa hóa lợi nhuận, khiến các nước đang phát triển thất thu thuế nghiêm trọng và các hệ lụy khác.

1.2. Quy mô và xu hướng phát triển

Đồng Nai là tỉnh công nghiệp nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, có vị trí thuận lợi, phía đông và đông bắc giáp các tỉnh Bình Thuận và Lâm Đồng; phía tây bắc giáp thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Bình Dương, Bình Phước; phía nam giáp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên có lợi thế phát triển kinh tế. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch nhanh chóng theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp. Đồng Nai có sự thuận lợi về giao thông cả đường hàng không, đường bộ và đường thủy, gần các nút giao thông quan trọng như cảng Thành phố Hồ Chí Minh, sân bay Tân Sơn Nhất, quốc lộ 1 và quốc lộ 51, hệ thống cảng Bà Rịa - Vũng Tàu, đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành, Long Thành - Dầu Giây, hệ thống cảng trên sông Lòng Tàu, Thị Vải. Hiện tỉnh Đồng Nai đã có 32 khu công nghiệp với 42 quốc gia và vùng lãnh thổ hoạt động đầu tư.

Về vốn đầu tư, theo Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), lượng vốn FDI của Đồng Nai đang chiếm 1/8 tổng lượng vốn FDI và đứng thứ ba cả nước về lượng vốn đăng ký, sau Hải Phòng và Bình Dương. Ban

quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai (Diza) cho biết: “Tính đến 30/09/2017 các khu công nghiệp Đồng Nai đã thu hút thêm 967,6 triệu USD và 6.505,7 tỷ đồng với 69 dự án đầu tư mới (trong đó có 52 dự án FDI với tổng vốn đầu tư 334,15 triệu USD và 17 dự án trong nước với tổng vốn đầu tư 5.945,7 tỷ đồng); 84 dự án FDI thực hiện điều chỉnh tăng vốn với tổng vốn tăng 647,1 triệu USD, 04 dự án giảm vốn với số vốn là 13,65 triệu USD và 05 dự án đầu tư trong nước tăng 560 tỷ đồng” [2].

Về GRRDP, tổng sản phẩm trong tỉnh của khu vực kinh tế FDI tăng trung bình 25% mỗi năm. Mặc dù trong mấy năm vừa qua, nền kinh tế toàn cầu suy thoái đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình kinh tế trong nước, song tỷ trọng GRDP của thành phần kinh tế có vốn FDI chiếm trong tổng thể của tỉnh vẫn tăng dần và tính đến thời điểm cuối năm 2016 là cao nhất so với thời gian 5 năm gần đây (năm 2010: 31,36%, năm 2015: 35,42%).

Về xuất khẩu, kim ngạch xuất khẩu ước tính đến cuối năm 2016 của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp đạt khoảng 10 tỷ USD, trong khi đó kim ngạch nhập khẩu đạt khoảng 9 tỷ USD. Các thị trường xuất khẩu lớn của doanh nghiệp Đồng Nai là: Hoa Kỳ, châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc. Hơn 1.000 doanh nghiệp FDI đang hoạt động đã đóng góp khoảng 80% doanh thu xuất khẩu hằng năm cho Đồng Nai.

1.3. Quản lý thuế đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại tỉnh Đồng Nai

Trong những năm qua, tập thể cán bộ công chức ngành thuế tỉnh Đồng Nai luôn quyết tâm nỗ lực nâng cao công tác chuyên môn, hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao, tăng cường công tác quản lý, khai thác nguồn thu, quản lý hồ sơ, kiểm tra, giám sát kê khai, chịu trách nhiệm thực hiện dự toán thu đối với người nộp thuế thuộc khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và các doanh nghiệp hoạt động trong các khu công nghiệp - khu chế xuất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

1.3.1. Đặc điểm của doanh nghiệp FDI tại Đồng Nai

Số lượng doanh nghiệp FDI vào Đồng Nai ngày càng tăng, nhất là sau khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), môi trường đầu tư ngày càng cải thiện theo tiến trình hội nhập. Đặc biệt trong “10 tháng đầu năm 2017 đã thu hút các doanh nghiệp FDI đầu tư vốn 967,9 triệu USD, đạt 96,78% kế hoạch năm 2017 (1 tỷ USD). Các dự án mới tập trung tại các khu công nghiệp: Long Đức, An Phước, Nhơn Trạch I, Bàu Xéo, Hồ Nai... Trong đó, khu công nghiệp Bàu Xéo thu hút được 02 dự án (115 triệu USD) chiếm 34,6% tổng vốn đầu tư thu hút mới, các khu công nghiệp Nhơn Trạch thu hút được 16 dự án (83,6 triệu USD) chiếm 25% tổng vốn đầu tư thu hút mới, khu công

niệp Amata thu hút được 06 dự án (57,5 triệu USD) chiếm 17,2% tổng vốn đầu tư thu hút mới, khu công nghiệp An Phước thu hút được 06 dự án (30,3 triệu USD) chiếm 9,1% tổng vốn đầu tư thu hút mới” [3].

Hầu hết các doanh nghiệp FDI đều hoạt động trong khu công nghiệp, ý thức tuân thủ pháp luật của các doanh nghiệp FDI cao, đặc biệt các doanh nghiệp đến từ các nước phát triển có trình độ quản lý cao, có sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và hệ thống quản lý hành chính, quản lý kinh doanh của doanh nghiệp tiên tiến, hiện đại.

Hoạt động kinh doanh của các tập đoàn đa quốc gia thường rất phức tạp, đa ngành nghề, thu hút nhiều lao động. Các doanh nghiệp FDI sang Việt Nam đầu tư chỉ quan tâm đến mục đích duy nhất là lợi nhuận nên việc quản lý thuế cũng gặp nhiều khó khăn.

Ngoài ra còn có nhiều đặc điểm khác như: các hình thức gian lận thương mại, các hình thức trốn thuế, gian lận thuế của các doanh nghiệp FDI cũng rất tinh vi, phức tạp, khó phát hiện thông qua hoạt động chuyển giá, gian lận thuế xuất nhập khẩu, giao dịch thương mại điện tử, chia tách, sát nhập doanh nghiệp; là những tập tập đoàn kinh tế đa ngành nghề nên quản lý thuế rất phức tạp...

1.3.2. Tình hình thu ngân sách của khối đầu tư nước ngoài

Tổng thu ngân sách nhà nước giai đoạn 2010-2016 của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Đồng Nai lên đến 50.000 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng hằng năm từ 22% đến

32%. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thường xuyên biến động và có xu hướng tăng lên rất nhanh, ngân sách năm sau luôn tăng hơn năm trước.

Bảng 1: Tình hình thu ngân sách doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Dự kiến 2017
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	4.335,30	3.483,30	4.978,20	5.856,93	6.200,00	6.800,00
- Thuế giá trị gia tăng	1.490,00	1.054,91	1.626,54	2.487,65	2.796,89	3.296,00
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	42,00	25,12	45,12	46,91	47,00	48,50
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.720,00	2.295,07	2.743,80	3.182,35	3.297,89	3.297,89
- Thuế tài nguyên	0,60	0,23	1,56	1,67	1,98	2,00
- Thuế mặt đất, mặt nước	50,00	12,82	14,65	18,34	19,66	20,14
- Thuế môn bài	2,70	2,63	6,00	6,56	8,87	9,12
- Thu khác	12,08	9,03	11,87	13,45	15,11	16,14

(Nguồn: Cục Thuế tỉnh Đồng Nai)

1.3.3. Đặc điểm quản lý đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

Từ khi luật quản lý thuế có hiệu lực (1/7/2007) và thực hiện quản lý thuế theo mô hình chức năng gắn với cơ chế tự khai, tự nộp, công tác quản lý thu thuế của tỉnh Đồng Nai đã có những thuận lợi và chuyển biến tích cực như:

nhận thức về trách nhiệm và nghĩa vụ của người nộp thuế được nâng cao từng bước, cơ quan thuế cung cấp các dịch vụ hành chính công cho người nộp thuế ngày càng thuận tiện, giảm bớt thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ thuế, quy trình quản lý thuế rõ ràng, minh bạch hơn đã góp phần quan

trọng trong quá trình thu ngân sách nhà nước đạt kết quả cao.

Một trong những nội dung cơ bản của luật quản lý thuế là việc chính thức áp dụng cơ chế tự tính, tự khai, tự nộp thuế. Cơ chế tự kê khai, tự nộp thuế là cơ chế quản lý thuế trong đó người nộp thuế tự giác tuân thủ thực hiện các nghĩa vụ thuế; người nộp thuế căn cứ các quy định tại các luật thuế để xác định nghĩa vụ thuế của mình, tự kê khai, nộp tờ khai thuế và nộp thuế chính xác, đúng thời hạn. Cơ quan thuế không can thiệp vào việc thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế, nếu người nộp thuế tự giác tuân thủ nghĩa vụ. Cơ quan thuế có trách nhiệm tuyên truyền, hỗ trợ, hướng dẫn để người nộp thuế hiểu rõ và tự giác thực hiện nghĩa vụ thuế, đồng thời giám sát chặt chẽ việc tuân thủ nghĩa vụ thuế của người nộp thuế và thông qua công tác kiểm tra, thanh tra để phát hiện, xử lý kịp thời, đúng đắn những hành vi gian lận, trốn thuế của người nộp thuế.

2. Thuế và chính sách ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

2.1. Chính sách thuế trong thu hút vốn FDI

Chính sách của chính phủ nước tiếp nhận đầu tư là một trong những yếu tố cơ bản nhất trong việc thu hút đầu tư FDI đổ vào quốc gia. Chính sách của chính phủ bao gồm hệ thống chính sách khuyến khích và chính sách khác.

Chính sách khuyến khích nhằm bảo đảm khả năng sinh lời cho các dự án FDI bao gồm: chính sách thuế, chế độ khấu hao, trợ cấp đầu vào, quản lý ngoại hối, phí dịch vụ cơ sở hạ tầng, cơ chế cấp phép và hệ thống hành chính...

Chính sách tạo môi trường đầu tư ổn định, giảm thiểu rủi ro trong quá trình đầu tư của dự án FDI như: chính sách ổn định về kinh tế, chính trị...

Thuế là công cụ thu hút vốn đầu tư. Thực tế cho thấy, mục tiêu của nhà đầu tư là nhằm thu lợi nhuận tối đa, trong khi đó thuế lại tác động trực tiếp đến lợi nhuận làm ra, lợi nhuận còn lại của nhà đầu tư. Để thực hiện chính sách thu hút vốn đầu tư nhà nước cần khuyến khích tích lũy và tích tụ trong các đơn vị kinh doanh để tạo vốn đầu tư, cùng với chính sách khác, chính sách thuế phải được sử dụng một cách linh hoạt thông qua chế độ ưu đãi, miễn giảm, thuế suất hợp lý, việc thay đổi chính sách thuế của nhà nước có thể ảnh hưởng đến quá trình đầu tư.

Nhà đầu tư nước ngoài rất quan tâm đến chính sách thuế khi quyết định đầu tư, nhất là khi các yếu tố cơ bản khác thuộc về môi trường đầu tư đã đáp ứng được nhu cầu tối thiểu của họ. Chính phủ các nước đang phát triển thường đưa ra chính sách ưu đãi thuế nhằm mục đích khuyến khích phát triển sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thu hút đầu tư...

2.2. Thuế và chính sách ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp FDI

Trong những gần đây, Việt Nam kêu gọi thu hút đầu tư nước ngoài bằng nhiều chính sách, khuyến khích, ưu đãi đầu tư, trong đó có chính sách ưu đãi về thuế. Cụ thể: Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp được ban hành năm 2008 và Luật số 32/2013/QH13 sửa đổi một số điều của Luật Thuế Thu nhập được Quốc hội thông qua ngày 19/6/2013 (có hiệu lực từ 01/1/2014) được đánh giá là có sự đổi mới mạnh mẽ với nhiều chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư phát triển, trong các sắc thuế thường có ưu đãi thuế với những nội dung như sau:

- “Kể từ ngày 1/1/2016 thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp giảm xuống còn 20%”, (thuế suất phổ thông) theo lộ trình sẽ tiếp tục giảm [3].

- Giảm thuế (tax reduction). Ưu đãi về thuế suất là việc áp dụng mức thuế suất thấp hơn mức thuế suất tiêu chuẩn và thường áp dụng đối với ngành nghề hoặc địa bàn được lựa chọn ưu đãi.

- Thời kỳ ưu đãi về thuế (tax holiday), trong đó sẽ miễn và giảm thuế trực thu đối với các doanh nghiệp FDI trong một khoảng thời gian nào đó, tùy thuộc ngành nghề và địa bàn đầu tư, thường là thời kỳ khởi sự của doanh nghiệp.

- Chủ động ký kết hiệp định song phương trách đánh thuế hai lần với các

nước, nhằm khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài an tâm, mạnh dạn đầu tư.

- Ưu đãi miễn giảm thuế, có thể toàn phần hoặc từng phần. Miễn thuế hoàn toàn trong một thời gian nhất định được gọi là miễn thuế toàn phần, còn chỉ một tỷ lệ phần trăm thu nhập chịu thuế bị đánh thuế được gọi miễn giảm thuế từng phần. Miễn giảm thuế từng phần thường được áp dụng khi đã hết thời gian miễn thuế toàn phần hoặc miễn giảm đối với một số thu nhập nhất định (Ví dụ: doanh nghiệp sử dụng lao động nữ, lao động dân tộc ít người...). Hình thức này áp dụng phổ biến nhất, thời gian miễn thuế ban đầu phụ thuộc vào ngành nghề, lĩnh vực, địa bàn đầu tư.

- Miễn giảm thuế nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng: khuyến khích các nhà đầu tư nhập khẩu máy móc thiết bị công nghệ cao; hoặc các nhà xuất khẩu đều được hưởng thuế suất 0% và được hoàn thuế thuế giá trị gia tăng.

- Ưu đãi về chuyển lỗ: cho phép các doanh nghiệp kết chuyển lỗ sang kỳ sau với thời gian thường là 5 năm, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp FDI trong hoạt động kinh doanh.

Cho phép các nhà đầu tư nước ngoài được quyền chuyển lợi nhuận thu được từ hoạt động của doanh nghiệp FDI về chính quốc. Đưa ra biện pháp khuyến khích đầu tư như cho phép hoàn thuế lợi tức do sử dụng lợi nhuận để lại để tái đầu tư. Thực hiện biện pháp trợ

cấp đầu tư (investment allowance), khấu trừ thuế đầu tư.

Cho phép các doanh nghiệp FDI được sử dụng phương pháp khấu hao có lợi hơn, có thể là phương pháp khấu hao nhanh hay phương pháp khấu hao đường thẳng với tỷ lệ trích khấu hao cao hơn so với mức bình thường áp dụng chung cho toàn bộ nền kinh tế.

Ưu đãi thuế suất (10% lên đến 15 năm và 20% lên đến 10 năm); miễn, giảm thuế có thời hạn (tối đa đến 9 năm); cho phép chuyển lỗ (trong vòng 5 năm); miễn đánh thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài; hoàn thuế cho lợi nhuận tái đầu tư; cho phép được khấu hao nhanh...” [3].

Thực hiện miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế đối với máy móc thiết bị và nguyên liệu nhập khẩu phục vụ cho sản xuất tại các doanh nghiệp FDI. Mặt khác, xây dựng hàng rào thuế quan bảo hộ đối với một số mặt hàng quan trọng nào đó và khuyến khích các doanh nghiệp FDI đầu tư vào sản xuất các mặt hàng này với kỳ vọng chiếm lĩnh thị trường nội địa.

Đưa ra một hệ thống thuế có mức độ hội nhập kinh tế cao. Trong đó, chủ động ký kết hiệp định song phương tránh đánh thuế hai lần với các nước chủ đầu tư nhằm khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài an tâm, mạnh dạn đầu tư.

Các khuyến khích ưu đãi thuế khá rộng song không dàn trải cho tất cả dự án FDI mà mức độ, liều lượng ưu đãi luôn có sự chọn lọc, tùy theo từng loại dự án đáp ứng được mục tiêu phát triển kinh tế của nhà nước. Thông thường, để được hưởng các ưu đãi về thuế, đa số các dự án đầu tư phải đáp ứng được một trong các tiêu chuẩn sau:

- Quy mô vốn đầu tư lớn.
- Có tỷ lệ xuất khẩu sản phẩm cao.
- Có trình độ công nghệ kỹ thuật cao.
- Giải quyết nhiều lao động.
- Đầu tư vào địa bàn, lĩnh vực, ngành nghề cần khuyến khích đầu tư.

Để được hưởng các ưu đãi này, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp trước đây (năm 2008) và Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (được ban hành năm 2013) đã quy định nhiều tiêu chí ưu đãi khác nhau, như: địa bàn, khu kinh tế, khu công nghệ cao; lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đặc biệt quan trọng của nhà nước, sản xuất sản phẩm phần mềm, lĩnh vực giáo dục - đào tạo và môi trường...

Chính sách thuế theo hướng khuyến khích ưu đãi đầu tư nước ngoài trong thời gian qua đã góp phần khơi thông nguồn vốn đầu tư nước ngoài vào tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, chính sách ưu đãi thuế vẫn

còn nhược điểm là dàn trải, phức tạp và kém hiệu quả.

Tác động của ưu đãi thuế đối với việc phân bổ nguồn lực trong đầu tư còn hạn chế, chưa thu hút được vốn đầu tư vào các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Các doanh nghiệp FDI thường tập trung vào những khu công nghiệp có kết cấu hạ tầng thuận lợi, như: khu công nghiệp Biên Hòa 1, 2; Amata, Long Bình, Long Thành, Nhơn Trạch, chiếm gần 70% số dự án và tổng vốn đầu tư cả nước. Trong khi đó các khu công nghiệp vùng sâu, miền núi như khu công nghiệp Xuân Lộc, Long Khánh, Định Quán, Tân Phú, Song Mỹ, Dầu Giây... chỉ chiếm gần 10% tổng vốn đầu tư.

Mặc dù chính quyền tỉnh Đồng Nai đã có những ưu đãi cao như giảm tiền thuê đất, miễn giảm thuế nhưng các khu vực này vẫn khó thu hút các nhà đầu tư tìm đến. Như vậy, chính sách ưu đãi thuế để khuyến khích các doanh nghiệp FDI đầu tư vào những vùng kém phát triển, vùng sâu, vùng xa... vẫn chưa đạt được mục đích.

2.3. Các hình thức gian lận thuế trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế

Bên cạnh những kết quả tích cực do chính sách ưu đãi thuế đối với hoạt động đầu tư nước ngoài, một số chính sách thuế đối với hoạt động này cũng còn nhiều bất cập, tồn tại những kẽ hở để các doanh nghiệp lợi dụng trốn thuế.

Gian lận thuế tức là hành vi đối tượng nộp thuế cố tình làm trái các quy định của pháp luật thuế nhằm giảm nghĩa vụ thuế phải nộp. Tránh thuế là việc đối tượng nộp thuế lợi dụng các kẽ hở quy định của pháp luật nhằm giảm nghĩa vụ thuế phải nộp. Vấn đề đặt ra là cơ quan thuế cần nhận biết các hành vi trốn thuế, tránh thuế của đối tượng nộp thuế để có biện pháp ngăn chặn kịp thời.

Song song với hiện tượng lách luật, tránh thuế, các hành vi gian lận về thuế của các đối tượng nộp thuế ngày càng tinh vi, khi quá trình hội nhập kinh tế càng sâu rộng. Cơ quan thuế không thể bao quát hết các hành vi gian lận này, chủ yếu phát hiện trong quá trình thanh, kiểm tra thuế.

Các gian lận thuế gắn liền với quá trình di chuyển vốn khi hội nhập kinh tế quốc tế như: chuyển giá, chuyển thu nhập để được hưởng ưu đãi thuế... Chuyển giá quốc tế là vấn đề trực tiếp đụng chạm đến việc thu thuế của các quốc gia khi mà nguồn vốn đầu tư xuyên quốc gia ngày càng tăng. Một chiếc ti vi lắp ráp tại Việt Nam có thể sử dụng linh kiện sản xuất từ nhiều nước khác nhau. Khi cả dây chuyền sản xuất như vậy chỉ do một tập đoàn sở hữu thì sẽ dẫn đến vấn đề định giá nội bộ, tức là giá mà các công ty liên kết trong cùng tập đoàn “bán” hàng hóa hay dịch vụ cho nhau. Mục tiêu là nhằm nâng giá đầu vào ở những nước có thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp cao

nhằm giảm lợi nhuận, từ đó làm giảm thiểu số thuế phải nộp. Bù vào đó, họ sẽ định chi phí đầu vào thấp ở những nước có thuế suất thấp hơn để tăng lợi nhuận.

Những gian lận này mang tính chất quốc tế, vì vậy để phòng chống một cách hiệu quả cần có sự phối hợp quốc tế về thuế, hải quan giữa các nước... Những hành vi gian lận thuế thông qua việc sử dụng công nghệ cao trong các hoạt động giao dịch (chuyển nhượng bản quyền, chuyển giao công nghệ, thương mại điện tử...). Đối với các hành vi gian lận này, hiện các cơ quan thuế chưa có biện pháp hiệu quả để ngăn chặn vì cơ quan thuế không thể kiểm soát các hoạt động giao dịch thương mại điện tử. Ngoài ra, nếu có thể kiểm soát thì việc tính thuế cũng gặp nhiều khó khăn vì rất khó áp dụng chính sách thuế của quốc gia nào đối với hoạt động thương mại điện tử.

3. Kết luận

Hệ thống chính sách thuế đã từng bước được hoàn thiện, công tác quản lý thuế đã được tổ chức thống nhất trong cả nước, đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội. Tốc độ tăng trưởng thuế và phí bình quân mỗi năm tại Đồng Nai trên 16%, số

thu trong 5 năm 2011 - 2016 đạt 39.980 tỷ đồng, tăng gấp 2,5 lần so với 5 năm 2005 - 2010. Tỷ lệ thuế và phí của các danh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài năm 2016 là 5.857 tỷ, chiếm 37% trong tổng thu ngân sách nhà nước, tăng 15% so với năm 2015.

Thuế Đồng Nai luôn cố gắng để thu đúng và đủ số phải thu, giảm thất thu thuế cho ngân sách nhà nước, đây là công việc hết sức phức tạp, đầy thử thách. Đặc biệt là công tác quản lý thuế các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải đi theo những định hướng không thể tách rời mục tiêu chung của quốc gia và phải bảo đảm thu hút vốn đầu tư nước ngoài, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải quyết việc làm, giảm thất nghiệp, nâng cao trình độ công nghệ và quản lý kinh tế.

Góp phần thực hiện thành công chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2020 đã được Bộ Chính trị phê duyệt; hoàn thiện và xây dựng mới các luật về chính sách thuế, hình thành một hệ thống tổ chức quản lý thuế thống nhất trong cả nước; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2014), *Luật đầu tư số 67/2014/QH 13*, Nhà xuất bản Lao động, Hà Nội

2. Anh Huy (2017), “Thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp Đồng Nai 9 tháng đầu năm 2017”,

<http://diza.dongnai.gov.vn/Pages/newsdetail.aspx?NewsId=1615&CatId=57>
(5/10/2017)

3. Bộ Tài chính (2013), *Luật thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp số 32/2013/QH 13*, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội

**TAX MANAGEMENT OF FOREIGN DIRECT INVESTMENT
ENTERPRISES IN DONGNAI PROVINCE**

ABSTRACT

Dongnai is one of the provinces which attract foreign direct investment (FDI) capital most in the whole country, and is ranked at the third position about its FDI capital attraction into industrial zones. With 32 industrial zones which have come into operation, it has attracted large amount of FDI capital. Until September 30, 2017 there were 52 FDI projects with the total investment capital of 334.15 million USD into Dong Nai industrial zones. The FDI enterprises in Dongnai Province have had considerable contributions. However, the tax payment of these enterprises has still been the concern of authorities, especially tax organizations of Dongnai. It is how to collect taxes accurately and sufficiently and control the tax law and policy of FDI enterprises in Dongnai Province.

Keywords: Tax, tax management, FDI capital, tax policy

(Received: 7/11/2017, Revised: 6/12/2017, Accepted for publication: 12/12/2017)